

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**Tên chương trình** : Ngân hàng  
**Trình độ đào tạo** : Đại học  
**Ngành đào tạo** : Tài chính – Ngân hàng  
**Loại hình đào tạo** : Chính quy tập trung

*(Ban hành theo quyết định số 858/QĐ-ĐHM ngày 14 tháng 10 năm 2011 .  
của Hiệu trưởng trường Đại học Mở Tp.HCM)*

### **1. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1. Mục tiêu đào tạo**

##### **1.1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo Cử nhân ngành Ngân hàng có phẩm chất chính trị, có kiến thức chuyên ngành vững vàng và khả năng ngoại ngữ chuyên ngành thành thạo. Chương trình đào tạo tập trung vào chuyên ngành Kinh doanh Ngân hàng, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết nhất định về doanh nghiệp, kiến thức cơ bản và hiện đại trong lĩnh vực Kinh doanh Ngân hàng, khả năng ứng dụng lý thuyết vào hoạt động thực tiễn trên thị trường vốn và thị trường tiền tệ trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đồng thời, chương trình cung cấp cho sinh viên những kỹ năng chuyên biệt trong lĩnh vực Kinh doanh Ngân hàng.

***Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc sau:***

- Chuyên viên ngân hàng làm việc ở các vị trí giao dịch viên, nhân viên tín dụng, nhân viên thẩm định, nhân viên tư vấn về giao dịch ngân hàng
- Chuyên viên kinh doanh ngoại hối
- Chuyên viên thanh toán và kiểm soát nội bộ
- Chuyên viên quản lý đầu tư của ngân hàng
- Chuyên viên phát triển sản phẩm và chiến lược ngân hàng.

##### **1.1.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình Ngân hàng hướng đến việc đào tạo, trang bị cho sinh viên về cả ba mặt: kiến thức, kỹ năng và thái độ. Ngoài ra sinh viên cũng đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học cần thiết để có thể làm việc tốt trong môi trường hội nhập.

- **Chương trình đào tạo trang bị các kiến thức sau:**
  - **Các kiến thức chung về môi trường kinh doanh:**
    - Các công cụ phân tích định lượng
    - Các nguyên lý quản trị và kinh tế học cơ bản

- **Các kiến thức chuyên môn về ngân hàng:**
  - Các nguyên lý về quản trị tài chính, ngân hàng, rủi ro và đầu tư
  - Phương pháp đánh giá tỷ giá ngoại hối, thẩm định dự án đầu tư, hồ sơ vay vốn, rủi ro cho vay, qui trình cho vay và quản lý tín dụng.
- **Trang bị cho sinh viên kỹ năng, phương pháp học tập và nghiên cứu:**
  - Rèn luyện cho sinh viên tư duy phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề, khả năng làm việc hợp tác và khả năng làm việc độc lập.
  - Khả năng thu thập và phân tích thông tin để đưa ra quyết định.
  - Khả năng nghiên cứu thông qua các đề tài thực tế từ doanh nghiệp.
  - Khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành liên quan đến kinh doanh và marketing.
  - Khả năng tự học, sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp tốt
- **Xây dựng cho sinh viên thái độ phù hợp:**
  - Sinh viên chương trình Marketing là những người có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Đồng thời, sinh viên chương trình là người có ý thức vươn lên trong học tập và làm việc.
- **Trình độ ngoại ngữ:**
  - Sinh viên ngành Marketing sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ có trình độ tiếng Anh tối thiểu là TOEFL IBT 79 (TOEFL 550) hoặc tương đương. Đồng thời, chương trình cũng cố gắng trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết để nâng cao năng lực cá nhân của sinh viên
- **Trình độ tin học:**
  - Sinh viên của chương trình có kỹ năng sử dụng thành thạo máy vi tính, internet, các công cụ soạn thảo văn phòng, một số phần mềm liên quan đến chuyên ngành, phục vụ cho việc học tập tại trường và làm việc sau này.

## 1.2. Thời gian đào tạo

Tổng thời gian đào tạo là 4 năm và được chia làm 8 học kỳ.

## 1.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ cho một chương trình: **130** tín chỉ, không kể các phần sau:

- Các môn thể chất, quốc phòng: **12** tín chỉ
- Các chuyên đề về kỹ năng mềm: **12** chuyên đề
- Các chuyên đề kiến thức chuyên ngành: **2** chuyên đề

## 1.4. Đối tượng tuyển sinh

Người đã tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương.

## 1.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo qui chế học vụ theo học chế tín chỉ (Ban hành theo Quyết định số 759/QĐ-ĐHM của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp.HCM ngày 09 tháng 09 năm 2009). Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên
- Có các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất
- Có chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL IBT 79 hoặc TOEFL 550 hoặc tương đương.

## 1.6. Thang điểm

Thang điểm 10

## 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương 54 tín chỉ**

**2.1.1. Lý luận Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh 10 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	5	CTK
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CTK
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	CTK

**2.1.2. Kiến thức Toán – Tin học 9 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Toán cao cấp	3	CTK
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	CTK
3	Tin học đại cương	3	CTK

**2.1.3. Kiến thức Khoa học xã hội 7 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Pháp luật đại cương	2	CTK
2	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
3	Kỹ năng học tập	2	Đạt/ không đạt
4	Chuyên đề kỹ năng	1	Đạt/ không đạt

**2.1.4. Ngoại ngữ 28 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Tiếng Anh nâng cao 1	4	
2	Tiếng Anh nâng cao 2	4	
3	Tiếng Anh nâng cao 3	4	

4	Tiếng Anh nâng cao 4	4	
5	Tiếng Anh nâng cao 5	4	
6	Tiếng Anh nâng cao 6	4	
7	Tiếng Anh nâng cao 7	4	

## 2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

66 tín chỉ

### 2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành

12 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô	3	CTK
2	Kinh tế vĩ mô	3	CTK
3	Marketing căn bản	3	
4	Quản trị học	3	

### 2.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành

12 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	CTK
2	Nguyên lý kế toán	3	CTK
3	Luật kinh tế	3	CTK
4	Phân tích định lượng trong quản trị	3	

### 2.2.3. Kiến thức ngành

12 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Tài chính tiền tệ	3	CTK
2	Tài chính doanh nghiệp 1	3	CTK
3	Tài chính quốc tế	3	CTK
4	Thị trường tài chính	3	

### 2.2.4. Kiến thức chuyên ngành

30 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	Môn bắt buộc
2.	Kế toán tài chính	3	Môn bắt buộc
3.	Kế toán ngân hàng	3	Môn bắt buộc
4.	Thẩm định tín dụng	3	Môn bắt buộc
5.	Thanh toán quốc tế	3	Môn bắt buộc
6.	Kinh doanh ngoại hối	3	Môn bắt buộc
7.	Tài chính doanh nghiệp 2	3	Môn bắt buộc

	<i>Chọn 3 trong số các môn sau đây:</i>		
1.	Quản trị rủi ro tài chính	3	Môn chọn
2.	Thị trường tài chính phái sinh	3	Môn chọn
3.	Kiểm toán căn bản	3	Môn chọn
4.	Quản lý danh mục đầu tư	3	Môn chọn
5.	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	Môn chọn
6.	Quản trị ngân hàng	3	Môn chọn
7.	Marketing ngân hàng	3	Môn chọn

### 2.2.5. Học phần tốt nghiệp: 10 tín chỉ

Thực tập tốt nghiệp: 4 tín chỉ

Học phần tốt nghiệp: 6 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn trong phần kiến thức chuyên ngành chọn

## 3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

### HỌC KỲ 1

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 1 (CB3)		4	
2.	Toán cao cấp		3	
3.	Tin học đại cương		3	
4.	Kỹ năng học tập		2	
5.	Pháp luật đại cương		2	
6.	Marketing căn bản		3	
7.	Giáo dục thể chất (3TC)			
<b>Cộng</b>			<b>17</b>	

### HỌC KỲ 2

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 2 (CB4)		4	
2.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán		3	
3.	Tài chính-Tiền tệ		3	
4.	Kinh tế vi mô		3	
5.	Nguyên lý kế toán		3	
6.	Giáo dục thể chất (2TC)			
7.	Giáo dục quốc phòng (7TC)			
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	

### HỌC KỲ 3

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 3 (CB5)		4	
2.	Thị trường tài chính		3	
3.	Kinh tế vĩ mô		3	
4.	Giao tiếp trong kinh doanh		2	
5.	Quản trị học		3	
6.	Nguyên lý thống kê kinh tế		3	
<b>Cộng</b>			<b>18</b>	

### HỌC KỲ 4

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 4 (CB6)		4	
2.	Tài chính doanh nghiệp 1		3	
3.	Phân tích định lượng trong quản trị		3	
4.	Tài chính quốc tế		3	
5.	Luật kinh tế		3	
6.	Những nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin P.1		2	
<b>Cộng</b>			<b>18</b>	

### HỌC KỲ 5

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 5 (CB7)		4	
2.	Tài chính doanh nghiệp 2		3	
3.	Thanh toán quốc tế		3	
4.	Kê toán tài chính		3	
5.	Môn chọn 1		3	
6.	Những nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin P.2		3	
<b>Cộng</b>			<b>19</b>	

### HỌC KỲ 6

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 6 (CB8)		4	
2.	Nghệp vụ ngân hàng thương mại		3	

3.	Kinh doanh ngoại hối		3	
4.	Môn chọn 2		3	
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
<b>Cộng</b>			<b>15</b>	

### HỌC KỲ 7

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 7 (CB9)		4	
2.	Kê toán ngân hàng		3	
3.	Thẩm định tín dụng		3	
4.	Môn chọn 3		3	
5.	Đường lối Đường lối CM của Đảng CSVN		3	
6.	Chuyên đề kỹ năng		1	
<b>Cộng</b>			<b>17</b>	

### HỌC KỲ 8

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp		4	
2	Khóa luận tốt nghiệp/ Hoặc học 2 môn thay thế		6	
<b>Cộng</b>			<b>10</b>	

## 4. MÔ TẢ MÔN HỌC

### 4.1. Các môn đại cương

#### **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (5 TC)**

Áp dụng theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về giảng dạy môn Lý luận chính trị trong các trường học. Nội dung về Chủ nghĩa duy vật biện chứng về thế giới bao gồm vật chất và ý thức, các qui luật của phép biện chứng duy vật, các cặp phạm trù cơ bản, lý luận nhận thức và logic học, về các hình thái kinh tế xã hội, giai cấp, nhà nước, triết học về con người, đời sống xã hội tinh thần.

#### **Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam (3 TC)**

Áp dụng theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

#### **Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)**

Áp dụng theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành đề cương môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng.

### **Toán cao cấp (3 TC)**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu các môn toán kinh tế, các môn kinh tế và rèn luyện phương pháp tư duy toán học để vận dụng vào việc học tập, nghiên cứu cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn. Môn học bao gồm các nội dung: toán giải tích, đại số tuyến tính, tích phân bất định và tích phân xác định; vi phân, định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector.

### **Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3 TC)**

Giới thiệu các kiến thức về hiện tượng ngẫu nhiên, các phép tính xác suất, các vấn đề căn bản trong thống kê kinh tế như lấy mẫu, chọn mẫu, các mô hình kiểm định (chi-square, t, anova, ...) và những khái niệm về các loại chỉ số, tính chất, cách chuyển đổi năm cơ sở của các chỉ số.

### **Tin học đại cương (3 TC)**

Môn học trước: không

Môn học cung cấp các kỹ năng sử dụng máy tính căn bản, kỹ năng sử dụng sử dụng email, tìm kiếm và truy cập thông tin trên internet, các kỹ năng làm việc với hệ thống các phần mềm soạn thảo văn bản (winword) và bảng tính (excel), giới thiệu sơ lược về máy tính, hệ điều hành, Internet.

### **Pháp luật đại cương (2 TC)**

Môn học trước: không.

Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết chung về khái niệm cơ bản của khoa học pháp lý về Nhà nước và Pháp luật. Nội dung của môn học đề cập đến: khái niệm nhà nước, phân tích cấu trúc bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, những nội dung cơ bản của các ngành luật gốc như hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

### **Giao tiếp trong kinh doanh (2 TC)**

Môn học trước: không

Môn học Giao tiếp kinh doanh được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. Môn học cũng cung cấp những kiến thức về văn hoá, tập quán của người Việt Nam và các dân tộc khác để có thể giao tiếp đạt hiệu quả. Từ đó sinh viên có thể phát triển và ứng dụng các lý thuyết và các kỹ năng đã học để tăng cường hiệu quả của việc xử lý và truyền đạt thông tin trong giao tiếp

### **Kỹ năng học tập (2 TC)**

Môn học trước: không yêu cầu

Môn học nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết giúp cho sinh viên thích nghi với môi trường sống và học tập ở bậc đại học, biết cách áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả để đạt được mục tiêu học tập. Nội dung môn học đề cập đến việc đáp ứng với sự thay đổi ở môi trường đại học, xác định mục tiêu và lập kế hoạch, các kỹ năng cơ bản như lắng nghe, đọc, ghi chép, làm việc nhóm, thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, làm bài tiểu luận và ôn tập, thi, nghiên cứu khoa học.



### **Chuyên đề kỹ năng (1 TC)**

Chuyên đề kỹ năng nhằm giúp sinh viên được tiếp cận và rèn luyện các kỹ năng để chuẩn bị bước vào môi trường nghề nghiệp. Nội dung chuyên đề bao gồm: văn hóa giao tiếp, kỹ năng tìm việc, kỹ năng đàm phán và thương lượng hiệu quả...

### **Tiếng Anh nâng cao 1 (4 TC)**

Điều kiện: Sinh viên đạt trình độ thi xếp lớp đầu vào theo quy định của Ban cơ bản

Học giáo trình Interaction 1.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 300 – 350 hoặc tương đương TOEFL 350 hoặc IELTS dưới 3.0

### **Tiếng Anh nâng cao 2 (4 TC)**

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 1

Học giáo trình Interaction 2.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 350 – 400 hoặc tương đương TOEFL 400 hoặc IELTS 3.5

### **Tiếng Anh nâng cao 3 (4 TC)**

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 2

Học giáo trình Market Leader.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 400 – 450

### **Tiếng Anh nâng cao 4 (4 TC)**

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 3

Học giáo trình Market Leader.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 450 – 500

### **Tiếng Anh nâng cao 5 (4 TC)**

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 4

Học giáo trình Developing Skills TOEIC

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 500 – 550 hoặc tương đương TOEFL 450 – 500 hoặc IELTS 4.5

### **Tiếng Anh nâng cao 6 (4 TC)**

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 5

Học giáo trình Target TOEIC

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 550 – 600

### **Tiếng Anh nâng cao 7 (4 TC)**

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 6

Học giáo trình Longman TOEIC Tests

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 600 – 650 hoặc tương đương TOEFL 510 – 550 hoặc IELTS 5.5

## **4.2. Các môn cơ sở khối ngành**

### **Kinh tế vi mô (3 TC)**

Môn học trước: không

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản. Môn học đề cập đến lý

thuyết người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, cấu trúc thị trường và tác động của các chính sách can thiệp thị trường của chính phủ.

### **Kinh tế vĩ mô (3 TC)**

Môn học trước: Kinh tế vi mô

Môn học giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

### **Marketing căn bản (3 TC)**

Môn học trước: không

Môn học cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và ứng dụng chúng vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm: các khái niệm cơ bản về marketing; vấn đề thị trường và nghiên cứu marketing; nhận dạng nhu cầu và xác định hành vi khách hàng; hoạch định chiến lược marketing, và hoạt động marketing hay hoạt động marketing-mix thông qua sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, con người, quy trình và chứng minh thực tế

### **Quản trị học (3 TC)**

Môn học trước: không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra. Môn học còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp.

## **4.3. Các môn cơ sở ngành**

### **Luật kinh tế (3 TC)**

Môn học trước: Pháp luật đại cương

Trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh lĩnh vực kinh doanh, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán, và luật thương mại cũng như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Ngoài ra cũng giới thiệu các vấn đề căn bản về luật quốc tế trong thương mại.

### **Nguyên lý thống kê kinh tế (3 TC)**

Môn học nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.

### **Nguyên lý kế toán (3 TC)**

Môn học trước: không

Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; vận

dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu của một loại hình đơn vị cụ thể.

### **Phân tích định lượng trong quản trị (3 TC)**

Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Toán cao cấp, Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế vi mô 1, Tin học đại cương.

Môn học giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm về Kinh tế lượng và vai trò của Kinh tế lượng. Bên cạnh đó, môn học còn hướng dẫn cho sinh viên sử dụng được ít nhất 1 phần mềm chuyên dụng trong Kinh tế lượng. Ngoài ra môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng để ước lượng các quan hệ kinh tế, kiểm chứng các lý thuyết kinh tế dựa trên cơ sở những dữ liệu thực tế. Đồng thời, sinh viên có thể kết hợp những kiến thức của kinh tế vi mô, vĩ mô và kinh tế lượng để ứng dụng vào thực tế như biết phân tích một số vấn đề và dự báo về kinh tế dựa trên một số mô hình hồi qui cơ bản.

## **4.4. Các môn ngành**

### **Tài chính-tiền tệ (3 TC)**

Môn học này trang bị những kiến thức cơ bản có tính chất lý thuyết về tài chính như: bản chất, chức năng của tài chính; hệ thống tài chính Việt Nam; Ngân sách nhà nước, hệ thống thuế, Bảo hiểm, thị trường tài chính. Ngoài ra, còn trang bị những kiến thức cơ bản về tiền tệ và ngân hàng bao gồm bản chất, chức năng, hình thái và các chế độ tiền tệ; tổ chức hệ thống ngân hàng bao gồm ngân hàng trung ương và hệ thống ngân hàng trung gian; hoạt động của ngân hàng thương mại và thị trường tài chính; và các vấn đề vĩ mô liên quan đến tiền tệ-ngân hàng như phát hành tiền, lạm phát và chính sách tiền tệ quốc gia.

### **Tài chính doanh nghiệp 1, 2 (6 TC)**

*Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kinh tế vi mô*

Học phần tài chính doanh nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài chính của doanh nghiệp bao gồm tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình chiết khấu dòng tiền (DCF), lợi nhuận, rủi ro và mô hình định giá tài sản vốn (CAPM). Kế đến, cung cấp các công cụ phân tích và ra quyết định đầu tư tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn, và tài sản tài chính. Cuối cùng cung cấp cho sinh viên công cụ và kỹ năng phân tích ra các quyết định về nguồn vốn, quyết định cơ cấu vốn, chính sách cổ tức và ra các quyết định về quản lý rủi ro tài chính của doanh nghiệp bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá.

### **Tài chính quốc tế (3 TC)**

*Môn học trước: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, lý thuyết tài chính - tiền tệ*

Học phần tài chính quốc tế trang bị các kiến thức cơ bản và lý luận nghiệp vụ về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế với các nội dung chủ yếu sau: tổng quan về tài chính quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, tài chính công ty đa quốc gia, các hoạt động thanh toán, tín dụng, đầu tư quốc tế, chính sách điều hành tỷ giá hối đoái và xác lập cán cân thanh toán quốc tế, và vấn đề liên minh thương mại và thuế quan giữa các quốc gia.

### **Thị trường tài chính (3TC)**

*Môn học trước: Tài chính-tiền tệ*

Môn học này trang bị kiến thức chung về thị trường tài chính nhằm làm cơ sở để học các môn học khác như : Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế, thiết lập và thẩm định dự

án đầu tư... Trước tiên, môn học cung cấp cho sinh viên bức tranh chung về các loại thị trường và công cụ tài chính. Kế đến, môn học trình bày cho sinh viên chi tiết về tổ chức và hoạt động của từng loại thị trường bao gồm thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái và thị trường tài chính phái sinh.

## **4.5. Các môn chuyên ngành**

### **Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3 TC)**

*Môn học trước: Tài chính-tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp 1*

Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp bao gồm huy động vốn bằng các loại tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá, cấp tín dụng dưới các hình thức cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê tài chính và tài trợ khác, các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ ngân quỹ, dịch vụ quản lý rủi ro và dịch vụ ngân hàng dành cho khách hàng cá nhân.

### **Kế toán tài chính (3 TC)**

*Môn học trước: Nguyên lý kế toán*

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính doanh nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán các yếu tố của quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể về nội dung phương pháp, quy trình kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu nhằm cung cấp các thông tin tài chính cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

### **Kế toán ngân hàng (3 TC)**

*Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại.*

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các hoạt động của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng Việt Nam nói chung. Nội dung môn học không những cung cấp kiến thức về kế toán trong lĩnh vực ngân hàng mà còn giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của các ngân hàng, kiểm soát toàn bộ vốn và tài sản ngân hàng cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự phân chia lợi nhuận của ngân hàng.

### **Thẩm định tín dụng (3 TC)**

*Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại.*

Môn học huấn luyện sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành thẩm định trước khi cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp bao gồm thẩm định trước khi cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn, thẩm định đảm bảo nợ vay, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng và rủi ro tín dụng. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức và kỹ năng thẩm định trước khi cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân.

### **Thanh toán quốc tế (3 TC)**

*Môn học trước: Tài chính - tiền tệ, Tài chính quốc tế*

Môn học này trình bày những nội dung và huấn luyện cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành liên quan đến các điều kiện thanh toán quy định trong hợp đồng mua bán ngoại thương, các phương tiện thanh toán quốc tế bao gồm hối phiếu; lệnh phiếu và cheque, các phương thức thanh toán quốc tế bao gồm chuyển tiền, nhờ thu, và tín dụng chứng từ.

Cuối cùng, môn học hướng dẫn sinh viên cách thức đọc và kiểm tra bộ chứng từ sử dụng tương ứng với từng phương thức thanh toán quốc tế.

### **Kinh doanh ngoại hối (3 TC)**

Môn học trước: Thị trường tài chính, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Môn học này trước tiên cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái, và các loại giao dịch ngoại hối bao gồm giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, giao sau, và quyền chọn trên thị trường ngoại hối. Kế đến, môn học huấn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích và thực hành kinh doanh ngoại hối trên thị trường quốc tế cũng như trên thị trường nội địa. Ngoài ra, còn giúp sinh viên đánh giá rủi ro để ra quyết định đóng trạng thái ngoại tệ nhằm mục tiêu an toàn hoặc mở trạng thái ngoại tệ nhằm mục tiêu sinh lợi.

### **Các môn chọn:**

#### **Quản trị rủi ro tài chính (3 TC)**

Môn học trước: Thị trường tài chính phái sinh, Tài chính doanh nghiệp 2

Môn học này cung cấp các kiến thức quản trị hiện đại đối với các loại rủi ro tài chính. Các nội dung môn học này bao gồm tổng quan về quy trình quản trị rủi ro; nguồn gốc phát sinh các loại rủi ro bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá. Môn học xem xét các phương pháp quản trị và kiểm soát rủi ro thông qua các công cụ tài chính phái sinh như các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, hợp đồng giao sau và hợp đồng quyền chọn. Ngoài ra, môn học còn chỉ ra cho sinh viên biết cách hóa giải rủi ro thông qua các giao dịch không sử dụng công cụ tài chính phái sinh.

#### **Thị trường tài chính phái sinh (3 TC)**

Môn học trước: Thị trường tài chính, Tài chính quốc tế

Môn học này giới thiệu kiến thức căn bản về hoạt động của thị trường và các công cụ tài chính phái sinh bao gồm các thị trường và hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi, giao sau, và quyền chọn. Ngoài ra, môn học còn chỉ ra cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ tài chính phái sinh vào mục tiêu kinh doanh và quản lý rủi ro trên thị trường tài chính.

#### **Kiểm toán căn bản (3 TC)**

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhất về bản chất, chức năng đối tượng và phương pháp của kiểm toán; các hình thức kiểm toán và chủ thể kiểm toán; các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; quy trình và phương pháp kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

#### **Quản lý danh mục đầu tư (3 TC)**

Môn học trước: Thị trường tài chính, Tài chính doanh nghiệp, Phân tích và đầu tư chứng khoán

Môn học giới thiệu các phương pháp cụ thể để tính toán rủi ro và lợi nhuận của một danh mục đầu tư chứng khoán (DMĐT), cách kết hợp các loại chứng khoán để xây dựng thành một DMĐT, các phương thức quản lý hiệu quả DMĐT, đánh giá hiệu quả quản lý DMĐT và ứng dụng tin học để giải quyết những bài toán cụ thể trong quản lý DMĐT.

#### **Phân tích và đầu tư chứng khoán (3 TC)**

Môn học trước : Thị trường tài chính, Tài chính doanh nghiệp 1, 2

Môn học sẽ cung cấp những kiến thức và kỹ năng thực hành phân tích, định giá và quyết định đầu tư chứng khoán bao gồm đầu tư trái phiếu và cổ phiếu. Môn học còn giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên các kỹ thuật phân tích chứng khoán bao gồm phân tích cơ bản như phân tích về môi trường đầu tư, môi trường kinh tế, xã hội, phân tích ngành và phân tích công ty; phân tích kỹ thuật; và kỹ thuật xây dựng một danh mục đầu tư hiệu quả thông qua việc sử dụng các mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình định giá chênh lệch (APT) trên Microsoft Excel.

### **Quản trị ngân hàng (3 TC)**

Môn học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Giới thiệu mô hình tổ chức một ngân hàng thương mại điển hình, các vấn đề liên quan đến điều hành và vận hành của một ngân hàng thương mại. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành quản lý tài sản, nguồn vốn, thanh khoản và rủi ro trong hoạt động ngân hàng thương mại.

### **Marketing ngân hàng (3 TC)**

Môn học trước: Marketing căn bản

Môn học trình bày các nội dung liên quan đến hoạt động marketing trong ngân hàng, bao gồm: Marketing trong kinh doanh ngân hàng, khách hàng của ngân hàng, chiến lược Marketing của ngân hàng, nghiên cứu thị trường, phân đoạn thị trường, quản lý và phát triển dịch vụ ngân hàng, định giá sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, phân phối sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, xúc tiến, truyền thông trong hoạt động ngân hàng, Marketing quan hệ, Marketing đối nội, quản trị Marketing ngân hàng.

## **4.6. Thực tập và học phần tốt nghiệp**

### **Thực tập tốt nghiệp (4 TC)**

Cung cấp cho sinh viên cơ hội tiếp cận với thực tiễn. Qua đó, trang bị cho sinh viên những kiến thức thông qua tiếp cận với môi trường làm việc. Sinh viên học được nền tảng, cơ cấu tổ chức cũng như cách làm việc chuyên nghiệp trong một môi trường sản xuất kinh doanh thực sự. Kết thúc kỳ thực tập, sinh viên được yêu cầu viết báo cáo thực tập có tính so sánh lý thuyết và thực tế và những điều đã học được qua thực tập nhận thức.

### **Khóa luận tốt nghiệp (6 TC)**

Từ kinh nghiệm đợt thực tập nhận thức cũng như sau khi đã bổ sung những kiến thức chuyên môn cần thiết, sinh viên có cơ hội thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp. Trong kỳ thực tập này, sinh viên được yêu cầu viết báo cáo có phân tích, đánh giá và đưa ra nhận định của mình về một vấn đề phát sinh thực tế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, từ đó có những so sánh và đối chiếu giữa lý thuyết được học và thực tế phát sinh của doanh nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn đã được học.

## **5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **5.1. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU**

TT	Họ tên Giảng viên	Chức danh học vị	Môn học	Đơn vị công tác
1.	Đặng Văn Thanh	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô	Trường đại học kinh tế

				TPHCM
2.	Nguyễn Thái Thảo Vy	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô	Trường ĐH Mở TPHCM
3.	Nguyễn Văn Thuận	Tiến sĩ	Quản trị tài chính P1 Quản trị tài chính P2	Trường ĐH Mở TPHCM
4.	Nguyễn Thành Nhân	Thạc sĩ	Kỹ năng học tập	Trường ĐH Mở TPHCM
5.	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	PGS. Tiến sĩ	Kinh tế vi mô	Trường ĐH Mở TPHCM
6.	Trịnh Thùy Anh	Tiến sĩ	Quản trị học Quản trị dự án	Trường ĐH Mở TPHCM
7.	Trần Anh Tuấn	Tiến sĩ	Quản trị học Quản trị chiến lược	Trường ĐH Mở TPHCM
8.	Trần Tuấn Anh	Thạc sĩ	Phân tích định lượng trong quản trị	Trường ĐH Mở TPHCM
9.	Vũ Việt Hằng	Tiến sĩ	Quản trị nguồn nhân lực	Trường ĐH Mở TPHCM
10.	Nguyễn Hữu Thân	Tiến sĩ	Quản trị nguồn nhân lực	Trường ĐH Mở TPHCM
11.	Nguyễn Minh Kiều	PGS. Tiến sĩ	Thẩm định tín dụng Quản trị tài chính Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Trường ĐH Mở TPHCM
12.	Võ Minh Long	Thạc sĩ	Phân tích báo cáo tài chính	Trường ĐH Mở TPHCM
13.	Nguyễn Như Ánh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán	Trường ĐH Mở TPHCM
14.	Vũ Hữu Đức	Tiến sĩ	Kế toán	Trường Đại Mở TP.HCM
15.	Nguyễn Thanh	PGS. TS	Triết học Những nguyên lý CB của CN Mác Lênin	Trường ĐH Mở TPHCM
16.	Nguyễn Thị Hoài Minh	Cử nhân	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
17.	Nguyễn Kim Quý	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
18.	Trần Mỹ Phương	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
19.	Phan Thị Thu Nga	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
20.	Nguyễn Vũ Phương Thảo	Cử nhân	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM
21.	Nguyễn Thị Xuân Lan	Thạc sĩ	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM
22.	Trần Thiên Sơn	Cử nhân	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM
23.	Lê Quang Trực	Thạc sĩ	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM
24.	Nguyễn Cao Tùng	Thạc sĩ	Tin học đại cương	Trường ĐH Mở TPHCM
25.	Nguyễn Tri Quỳnh Nga	Thạc sĩ	Tin học đại cương	Trường ĐH

				Mở TPHCM
26.	Nguyễn Thị Trâm Anh	Thạc sĩ	Tin học đại cương	Trường ĐH Mở TPHCM
27.	Lê Anh Minh	Thạc sĩ	Tin học đại cương	Trường ĐH Mở TPHCM

## 5.2. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG

TT	Họ tên Giảng viên	Chức danh học vị	Môn học	Đơn vị công tác
1.	Trần Bá Nhân	Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê	Trường đại học kinh tế TPHCM
2.	Đình Thái Hoàng	Tiến sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê	Trường đại học kinh tế TPHCM
3.	Nguyễn Văn Ngãi	Tiến sĩ	Kinh tế vĩ mô	Đại học Nông Lâm
4.	Lê Minh Nhật	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương	Đoàn luật sư TPHCM
5.	Bùi Thị Mai Hoài	Tiến sĩ	Lý thuyết tài chính tiền tệ	ĐH Kinh tế TPHCM
6.	Nguyễn Thế Khải	Thạc sĩ	Truyền thông và giao tiếp trong kinh doanh, Marketing căn bản	ĐH Mở TPHCM
7.	Đào Hoài Nam	Thạc sĩ	Hành vi khách hàng	ĐH Kinh tế TPHCM
8.	Nguyễn Bảo Linh	Thạc sĩ	Kế toán quản trị	
9.	Lê Phan Thị Diệu Thảo	Tiến sĩ	Tài chính quốc tế	ĐH Ngân Hàng
10.	Thân Thị Thu Thủy	Tiến sĩ	Thị trường chứng khoán	ĐH Kinh tế TPHCM
11.	Hà Xuân Thạch	PGS. Tiến sĩ	Kế toán tài chính Nguyên lý kế toán	ĐH Kinh tế TPHCM
12.	Mai Thị Hoàng Minh	PGS -Tiến sĩ	Kế toán tài chính Nguyên lý kế toán	ĐH Kinh tế TPHCM
13.	Nguyễn Khánh Trung	Thạc sĩ	Phương pháp học tập	
14.	Hoàng Thị Phương Thảo	Tiến sĩ	Quản trị kênh phân phối Nghiên cứu thị trường	ĐH Kinh tế TPHCM
15.	Võ Thị Lan	Thạc sĩ	Dự báo trong kinh doanh	ĐH Kinh tế TPHCM
16.	Nguyễn Khánh Duy	Thạc sĩ	Dự báo trong kinh doanh	ĐH Kinh tế TPHCM
17.	Hoàng Thị Minh Ngọc	Tiến sĩ	Thanh toán quốc tế	ĐH Kinh tế TPHCM



18.	Đoàn Văn Hoạt	Thạc sĩ	Kiểm toán	ĐH Kinh tế TP HCM
19.	Trịnh Tú Anh	Thạc sĩ	Quản trị Marketing	
20.	Trần Thị Xuân Hương	Tiến sĩ	Nghiệp vụ ngân hàng	ĐH Kinh tế TP HCM
21.	Đoàn Thanh Hải	Thạc sĩ	Phân tích định lượng trong quản trị	ĐH Kinh tế TP HCM
22.	Nguyễn Diệu Linh	Thạc sĩ	Marketing căn bản	
23.	Hoàng Ngọc Nhậm	Thạc sĩ	Kinh tế lượng	ĐH Kinh tế TP HCM
24.	Mai Trí Bình	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường SEAMEO
25.	Nguyễn Thị Tú	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Sư Phạm
26.	Văn Thị Phước	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Quốc tế
27.	Võ Kiều Mi	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường SEAMEO
28.	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường SEAMEO
29.	Ngô Thị Bạch Loan	Thạc sĩ	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường SEAMEO
30.	Thân Thị Đức	Thạc sĩ	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TP HCM
31.	Nguyễn Ngọc Tuyền	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TP HCM
32.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Cử nhân	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TP HCM
33.	Nguyễn Minh Tuấn		Kinh tế chính trị	Trường ĐH Mở TP HCM
34.	Trần Hùng		Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH Tôn Đức Thắng
35.	Dương Tấn Khoa	Thạc sĩ	Nghiệp vụ NHTM Thị trường tài chính	Đại học Kinh tế Tp.HCM

## 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

- Lớp học, thư viện tập trung tại 97 Võ Văn Tần,
- Giáo trình và tập bài giảng được gửi lên mạng và gửi trực tiếp đến lớp

## **7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

- Căn cứ lộ trình các môn học và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập.
- Các môn GDTC, GDQP và các môn học chung toàn trường được tổ chức học theo kế hoạch chung của Phòng đào tạo.
- Môn học được tiến hành theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- Điều kiện được nhận khóa luận tốt nghiệp :

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình

Điểm trung bình tích lũy : Từ 7,0 trở lên

Điểm thực tập tốt nghiệp : Từ 8,0 trở lên và phải được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn.

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BAN ĐIỀU HÀNH**

**PGS.TS. Nguyễn Thuận**

**PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều**